

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 06-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Ngọc Tiến

2/ Ông Hồ Vũ Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2024/TLST-HS ngày 24/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-HS ngày 24/12/2024 đối với bị cáo:

Trịnh Văn P; sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: số E P, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn N (chết) và bà Phạm Thị M; Có 01 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân Thân:

+ Ngày 16/4/1999 “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam, theo Bản án số 3383/HSST ngày 22/12/1999; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2002; bị cáo đã thi hành án phí vào ngày 07/7/2009;

+ Ngày 27/3/2004 “Trộm cắp tài sản”, bị Toà án nhân dân Quận 12 xử phạt 02 năm tù giam, theo Bản án số 55/HSST ngày 13/7/2004; bị cáo chấp xong hình phạt tù ngày 29/01/2006; bị cáo đã thi hành án hình sự và dân sự vào ngày 15/11/2012.

+ Ngày 24/11/2014 “Cướp giật tài sản”, bị Toà án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù giam, theo Bản án số 50/HSST ngày 18/5/2015. Ngày 30/7/2015,

Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử y án, theo Bản án số 452/2015/HSPT. Bị cáo chấp hành hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2017; đã thi hành án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm vào ngày 19/10/2015.

+ Ngày 09/01/2018, “Trộm cắp tài sản” bị Toà án nhân dân Quận 3 xử phạt 02 năm tù giam, theo Bản án số 43/HSST ngày 30/5/2018. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/10/2019; đã thi hành án phí vào ngày 01/8/2018

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2024 (Có mặt)

2. Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Nguyễn Thị Át N1, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Chỗ ở: G đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 01/9/2024, chị Nguyễn Thị Át N1 để chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario biển số: 67L2-112.02 tại tầng trệt nhà trọ, số G T, Phường A, Quận A, sau đó vào phòng trọ nghỉ ngơi. Đến khoảng 09 giờ ngày 02/9/2024, chị N1 ra lấy xe, phát hiện xe bị mất. Chị N1 xem camera trong nhà trọ phát hiện 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) vào nhà trọ lấy dẫn chiếc xe của chị N1 đi. Chị N1 đến Công an P1, Quận A trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Q1 xác định Trịnh Văn P là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe của chị N1. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trịnh Văn P.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, bị can Trịnh Văn P khai nhận: Vào khoảng 03 giờ ngày 02/9/2024, bị can P đi bộ tại khu vực, hẻm G T, Phường A, Quận A để tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Đến 03 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà số G T, Phường A, Quận A, P phát hiện căn nhà trên không có khóa cửa; P đẩy cửa đi vào trong nhà phát hiện có 02 chiếc xe mô tô đang dựng trong nhà. P đi lại chiếc xe mô tô biển số: 67L2-112.02, lấy chìa một khóa P đã chuẩn bị trước tra vào ổ khóa để mở công tắc nhưng không được. P dắt xe ra và đẩy bộ đến bãi giữ xe của Cao ốc A Nguyễn Kim Q 10, đưa xe vào gửi. Sau đó, P lấy xe đi tìm người bán xe nhưng chưa được. Đến khoảng 19 giờ ngày 09/9/2024, P đang đi trên đường C, Quận A thì Công an Q1 kiểm tra, phát hiện. Lời khai nhận tội của bị can P phù hợp với camera tại số G T, Phường A, Quận A và lời khai của bị hại.

Tại kết luận định giá tài sản số 1856/KL-HĐDGTS ngày 17/9/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự Quận A kết luận: “Chiếc xe mô tô hiệu honda Vario, màu xám đen biển số: 67L2-112.02, có giá trị là 28.000.000 đồng”.

Tài sản, vật chứng vụ án:

- 01 áo khoác tay dài, 01 quần Jean dài, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen – là trang phục của bị can P mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 có quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

- Một chiếc xe mô tô hiệu honda Vario biển số: 67L2-112.02; số khung: MH1JM511XJK035206, số máy: JM51E1035163, là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Át N1 bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Át N1.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Át N1 không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSQ10 ngày 23/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 truy tố bị cáo Trịnh Văn P ra trước Tòa án nhân dân Quận 10 để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 vẫn giữ quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và đề nghị: Xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét:

- 01 áo khoác tay dài, 01 quần Jean dài, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen – là trang phục của bị cáo P mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xét, đã có đủ cơ sở kết luận: Với ý định đi tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt, vào khoảng 03 giờ ngày 02/9/2024, bị cáo Trịnh Văn P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Honda Vario biển số: 67L2-112.02 của chị Nguyễn Thị Át N1 tại nhà số G T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 28.000.000 đồng đồng, thuộc trường hợp tài sản chiếm đoạt có giá trị dưới 50.000.000 đồng.

Với giá trị tài sản chiếm đoạt và hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng với động cơ vụ lợi bất chính nên vẫn cố ý phạm tội.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

X, bị cáo có nhân thân không tốt, nhiều lần bị xử phạt tù về các tội liên quan đến chiếm đoạt tài sản, trong thời gian cải tạo không chịu sửa chữa mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật, do đó cần phải có mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo.

Sau khi xem xét khách quan, toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích. Hình phạt đối với bị cáo cũng để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường những khoản gì khác. Tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Xét

- 01 áo khoác tay dài, 01 quần Jean dài, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen – là trang phục của bị cáo P mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 02 (H) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tiêu hủy: 01 áo khoác tay dài, 01 quần Jean dài, 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 229/QĐ-VKS ngày 13/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10)

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- Sở Tư pháp TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Công an Quận 10, PV06;
- Chi cục Thi hành án DS Quận 10;
- Bị cáo, bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Nhất Dũng